

Số: 953/2020/QĐST-HNGĐ

*Thuận An, ngày 10 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1339/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Thế B, sinh năm 1987; nơi thường trú: Thôn 11 Hùng Sơn, xã T, huyện N, tỉnh T; tạm trú: A12/13 khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Hồ Thị T, sinh ngày 1991; nơi thường trú: Thôn 11 Hùng Sơn, xã T, huyện N, tỉnh T; tạm trú: A12/13 khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế B và bà Hồ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2012, quyền số 04/2007, cấp ngày 30/01/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay ông Nguyễn Thế B và bà Hồ Thị T xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Thế B và bà Hồ Thị T thống nhất sau khi ly hôn giao con chung tên Nguyễn Thế N, sinh ngày 14/11/2012 cho bà T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thế B cấp dưỡng

nuôi con chung với số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông B và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng, thỏa thuận không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế B và bà Hồ Thị T công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Hồ Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Thế N, sinh ngày 14/11/2012.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thế B cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Thế B và bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053202 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh T (theo GCN số 08/2012, quyền số 04/2007, cấp ngày 30/01/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lê Hoàng Vương**